



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4403000108
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Khánh

Chủ tịch

(Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ông Lê Minh Tuấn

Chủ tịch

(Đến ngày 20 tháng 4 năm 2018)

Ông Lê Minh Tuấn

Thành viên

(Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ông Nguyễn Quang Quyền

Thành viên

Ông Nguyễn Trọng Hiền

Thành viên

(Đến ngày 9 tháng 4 năm 2018)

Ông Lê Tuấn Hải

Thành viên HĐQT độc lập

(Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ông Đinh Văn Sơn

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Lượng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *nul*



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
THÁC MƠ**

Số Đ.K.K.D: 389031
T.Đ. PHƯỚC LONG - T. BÌNH PHƯỚC

Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 13 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-354-01-HY



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		781.859.433.865	616.777.269.762
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	132.848.641.363	55.114.455.126
Tiền	111		2.848.641.363	55.114.455.126
Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		440.781.681.358	436.677.737.524
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	440.781.681.358	436.677.737.524
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.936.274.956	115.963.551.481
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	157.465.801.837	77.524.136.945
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.730.196	214.730.196
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	43.404.402.638	38.480.818.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(148.659.715)	(256.134.565)
Hàng tồn kho	140	10(a)	7.292.836.188	8.984.309.885
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	37.215.746
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	37.215.746

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		388.215.974.319	421.036.170.081
Tài sản cố định	220		56.462.027.268	89.470.755.706
Tài sản cố định hữu hình	221	11	41.966.778.642	74.717.348.746
Nguyên giá	222		1.972.954.630.121	1.971.463.642.620
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.930.987.851.479)	(1.896.746.293.874)
Tài sản cố định vô hình	227	12	14.495.248.626	14.753.406.960
Nguyên giá	228		17.417.750.910	17.417.750.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.922.502.284)	(2.664.343.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.722.581.034	1.532.873.358
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.722.581.034	1.532.873.358
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	327.291.569.970	327.291.569.970
Đầu tư vào các công ty con	251		186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		34.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(43.702.860.030)	(43.702.860.030)
Tài sản dài hạn khác	260		2.739.796.047	2.740.971.047
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	2.739.796.047	2.740.971.047
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.170.075.408.184	1.037.813.439.843

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	111.904.668.805	85.803.378.614
Nợ ngắn hạn	310	103.914.441.969	77.791.889.278
Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.804.596.572	2.474.639.554
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.535.141.364	2.154.325.934
Thuế phải nộp Nhà nước	313 13	63.682.041.033	41.483.486.199
Phải trả người lao động	314	19.087.647.252	20.499.917.172
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.124.399.268	166.110.725
Phải trả ngắn hạn khác	319 14	8.580.415.882	7.748.433.554
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 15	6.100.200.598	3.264.976.140
Nợ dài hạn	330	7.990.226.836	8.011.489.336
Dự phòng phải trả dài hạn	342	2.781.814.000	2.803.076.500
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343 16	5.208.412.836	5.208.412.836
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	1.058.170.739.379	952.010.061.229
Vốn chủ sở hữu	410 17	1.058.170.739.379	952.010.061.229
Vốn cổ phần	411 18	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418 20	36.200.180.122	3.349.890.365
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	265.516.191.166	192.205.802.773
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.170.075.408.184	1.037.813.439.843

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	30/6/2017
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 21	358.246.349.373	306.871.965.058
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11 22	118.659.537.839	123.553.751.800
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20	239.586.811.534	183.318.213.258
Doanh thu hoạt động tài chính	21 23	39.621.567.369	10.775.496.322
Chi phí tài chính	22	6.833.333	515.320.777
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.833.333	515.320.777
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 24	11.034.326.847	16.891.034.443
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30	268.167.218.723	176.687.354.360
Thu nhập khác	31	1.488.000	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40	1.488.000	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	268.168.706.723	176.687.354.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 26	48.932.364.115	35.319.790.321
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	219.236.342.608	141.367.564.039

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	268.168.706.723	176.687.354.360
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	34.499.715.939	54.582.383.634
Các khoản dự phòng	03	(107.474.850)	9.623.635.121
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.621.567.369)	(10.775.496.322)
Chi phí lãi vay	06	6.833.333	515.320.777
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	262.946.213.776	230.633.197.570
Biến động các khoản phải thu	09	(82.087.361.625)	(28.167.602.719)
Biến động hàng tồn kho	10	1.692.648.697	(339.724.302)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	16.404.088.702	15.611.493.678
Biến động chi phí trả trước	12	37.215.746	-
		198.992.805.296	217.737.364.227
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.833.333)	(515.320.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.674.065.384)	(18.500.000.000)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	102.920.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.364.622.500)	(5.114.956.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	151.050.204.079	193.607.086.828
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(1.680.695.177)	-
Tiền gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(264.142.638.889)	(70.000.000.000)
Tiền rút từ tiền gửi có kỳ hạn	24	260.038.695.055	24.069.248.750
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	36.843.680.369	1.547.952.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.059.041.358	(44.382.798.277)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	12.000.000.000	155.113.836.433
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.000.000.000)	(155.113.836.433)
Tiền chi trả cổ tức	36	(104.375.059.200)	(187.276.605.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(104.375.059.200)	(187.276.605.533)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	77.734.186.237	(38.052.316.982)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	55.114.455.126	49.940.805.127
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	132.848.641.363	11.888.488.145

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Loại hình	Tỷ lệ vốn sở hữu tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
Các công ty con					
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2018: 124 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	681.497.180	1.591.303.270
Tiền gửi ngân hàng	2.167.144.183	53.523.151.856
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	-
	132.848.641.363	55.114.455.126

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,3% đến 5,5% một năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	440.781.681.358	436.677.737.524

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm là 6,5% đến 7,5% (1/1/2018: 6,5% đến 7,5%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2018					1/1/2018				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty con										
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa (*)	4.893.443	61,17%	61,17%	48.934.430.000	-	4.893.443	61,17%	61,17%	48.934.430.000	-
				186.134.430.000	-				186.134.430.000	-
Công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (*)	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	(4.822.860.030)	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	(4.822.860.030)
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ (*)	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-
				34.000.000.000	(4.822.860.030)				34.000.000.000	(4.822.860.030)
Đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(38.880.000.000)	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(38.880.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai (*)	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-
				150.860.000.000	(38.880.000.000)				150.860.000.000	(38.880.000.000)
				370.994.430.000	(43.702.860.030)				370.994.430.000	(43.702.860.030)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	154.840.187.641	75.233.896.795
Các khách hàng khác	2.625.614.196	2.290.240.150
	157.465.801.837	77.524.136.945

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	154.840.187.641	75.233.896.795
Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	1.361.446.917	613.346.813
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	740.435.746	223.441.625

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan		
Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.403.205.715	27.403.205.715
Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	678.385.139	-
Các bên khác		
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.806.982.000	10.029.095.000
Các khoản phải thu khác	2.515.829.784	1.048.518.190
	43.404.402.638	38.480.818.905

Các khoản phi thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	340.029.234	-	423.434.912	-
Công cụ và dụng cụ	12.148.030	-	10.337.030	-
Dịch vụ dở dang	6.940.658.924	-	8.550.537.943	-
	7.292.836.188	-	8.984.309.885	-

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là toàn bộ các thiết bị đi kèm với gói thầu mua máy móc thiết bị của Công ty khi xây dựng nhà máy.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.245.125.408.542	604.244.018.925	116.279.805.175	5.814.409.978	1.971.463.642.620
Tăng trong kỳ	193.648.410	236.880.000	1.060.459.091	-	1.490.987.501
Số dư cuối kỳ	1.245.319.056.952	604.480.898.925	117.340.264.266	5.814.409.978	1.972.954.630.121

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	1.179.343.260.754	598.678.372.607	113.219.887.036	5.504.773.477	1.896.746.293.874
Khấu hao trong kỳ	33.466.357.849	452.137.858	233.633.306	89.428.592	34.241.557.605
Số dư cuối kỳ	1.212.809.618.603	599.130.510.465	113.453.520.342	5.594.202.069	1.930.987.851.479

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	65.782.147.788	5.565.646.318	3.059.918.139	309.636.501	74.717.348.746
Số dư cuối kỳ	32.509.438.349	5.350.388.460	3.886.743.924	220.207.909	41.966.778.642

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.780.399 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 976.722 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.417.750.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.664.343.950
Khấu hao trong kỳ	258.158.334
Số dư cuối kỳ	2.922.502.284
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	14.753.406.960
Số dư cuối kỳ	14.495.248.626

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã cần trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.429.809.853	35.817.345.476	(31.712.368.460)	7.534.786.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.188.442.384	48.932.364.115	(42.674.065.384)	36.446.741.115
Thuế thu nhập cá nhân	223.435.710	2.276.225.063	(2.479.086.544)	20.574.229
Thuế tài nguyên	3.283.203.096	33.395.779.631	(29.085.203.067)	7.593.779.660
Các loại thuế khác	4.358.595.156	20.165.110.104	(12.437.546.100)	12.086.159.160
	41.483.486.199	140.586.824.389	(118.388.269.555)	63.682.041.033

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải trả	7.542.294.588	6.917.353.788
Kinh phí công đoàn	47.161.180	47.161.180
Các khoản phải trả khác	990.960.114	783.918.586
	8.580.415.882	7.748.433.554

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.264.976.140	9.312.912.428
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 17)	8.075.664.458	5.047.882.200
Tăng khác	102.920.000	-
Sử dụng trong kỳ	(5.343.360.000)	(5.004.508.900)
	6.100.200.598	9.356.285.728

16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty. Không có biến động quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	700.000.000.000	56.454.368.091	90.688.965.210	49.060.750.653	896.204.083.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	141.367.564.039	141.367.564.039
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)	-	-	3.349.890.365	(3.349.890.365)	-
Hoàn nhập quỹ	-	-	(90.688.965.210)	90.688.965.210	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(5.047.882.200)	(5.047.882.200)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(147.000.000.000)	(147.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	700.000.000.000	56.454.368.091	3.349.890.365	125.719.507.337	885.523.765.793
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	150.486.295.436	150.486.295.436
Cổ tức	-	-	-	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	3.349.890.365	192.205.802.773	952.010.061.229
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	219.236.342.608	219.236.342.608
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)	-	-	32.850.289.757	(32.850.289.757)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(8.075.664.458)	(8.075.664.458)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	36.200.180.122	265.516.191.166	1.058.170.739.379

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 189.000 triệu VND tương đương 2.700 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017; phân phối khoản cổ tức là 189.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016, tương đương 2.700 VND/cổ phiếu). Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 84.000 triệu VND cuối năm 2017, theo đó, Công ty tiếp tục phân phối phần cổ tức còn lại là 105.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Doanh thu bán điện	349.466.563.873	302.784.937.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	8.779.785.500	4.087.027.909
	358.246.349.373	306.871.965.058

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	111.657.305.372	120.812.052.799
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	7.002.232.467	2.741.699.001
	118.659.537.839	123.553.751.800

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.506.886.000	240.000.000
Lãi tiền gửi	16.114.681.369	10.535.496.322
	39.621.567.369	10.775.496.322

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.745.569.432	9.165.720.871
Chi phí khấu hao	649.655.836	689.156.894
Thuế, phí và lệ phí	45.184.000	45.301.000
Chi phí khác	3.593.917.579	6.990.855.678
	11.034.326.847	16.891.034.443

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.413.711.803	1.985.060.605
Chi phí nhân công và nhân viên	19.873.098.390	21.694.239.461
Chi phí khấu hao	34.499.715.939	54.582.383.634
Chi phí sửa chữa lớn	6.162.890.759	11.399.001.408
Chi phí khác	65.744.447.795	50.784.101.135

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	48.932.364.115	35.319.790.321

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	268.168.706.723	176.687.354.360
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	53.633.741.345	35.337.470.872
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	30.319.449
Thu nhập không bị tính thuế	(4.701.377.230)	(48.000.000)
	48.932.364.115	35.319.790.321

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2017
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.130.039.590	-
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một		
Thành Viên		
Vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	6.833.333	-
Cổ tức	54.512.250.000	98.122.050.000
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Cổ tức	13.720.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa		
Cổ tức	9.786.886.000	8.318.853.100
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức	44.765.610.000	80.578.098.000
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	349.466.563.873	302.784.937.149
Ban quản lý dự án thủy điện 6		
Cung cấp dịch vụ	2.310.610.311	801.604.057
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh		
Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Tạm ứng mua hàng hóa dịch vụ	49.926.485	-
Các đơn vị thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Nam		
Mua hàng hóa dịch vụ	758.130.251	-
Cung cấp dịch vụ	2.860.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30/6/2018

30/6/2017

VND

VND

Nhân sự quản lý chủ chốt

Lương, thưởng và thù lao Ban Giám đốc, Hội đồng

Quản trị và Ban Kiểm soát

469.117.250

615.354.000

28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc